

Số: 62/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 23/4/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hà

Ông Phan Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2018/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2018/QĐPT ngày 17/4/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn L, sinh năm 1966;

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1969.

Cùng cư trú tại: Thôn Đoàn Xá, xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn và lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn – ông Đoàn Văn L trình bày:

Ông và bà Vũ Thị T sau một thời gian tìm hiểu thì được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mấy năm trở lại đây thì hai vợ chồng liên tục đánh cãi chửi nhau và mỗi lần mâu thuẫn là bà T bỏ nhà đi. Nguyên nhân do bà T nghi ngờ ghen tuông, chửi bới coi khinh chồng cũng như gia đình, anh em, bạn bè của chồng. Ông đã chịu đựng, nhẫn nhịn quá nhiều nhưng đến nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra nhiều năm nay nên ông đề nghị Tòa không công nhận ông và bà T là vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà T có 03 con là Đoàn Văn T, sinh ngày 11/11/1992, Đoàn Thị T, sinh ngày 09/10/1994 và Đoàn Thị N, sinh ngày

02/11/1997. Các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Ông không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Bị đơn – bà Vũ Thị T trình bày:

Bà và ông L qua một thời gian tìm hiểu thì năm 1988 được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, hai vợ chồng chung sống làm ăn kinh tế sống hòa thuận, hạnh phúc. Xong khoảng 7 năm nay do ông L mâu thuẫn về kinh tế với anh trai bà nên ông L luôn kiếm có chửi bới bà. Cũng từ đó, vợ chồng mâu thuẫn liên tục xảy ra cãi nhau và cả đánh nhau. Đồng thời gần đây ông L có biểu hiện ngoại tình. Bà và các con khuyên bảo thì ông chửi và kiếm có chửi đánh để đuổi bà ra khỏi nhà. Rất nhiều người phân tích, khuyên bảo, hòa giải nhưng ông L không nghe. Nay bà nhận thấy cũng không thể cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân như vậy sẽ ảnh hưởng đến bà cũng như các con. Vì vậy, ông L có đơn đề nghị không công nhận vợ chồng, bà đồng ý.

Về con chung thì có ba con như ông L trình bày là Đoàn Văn T, sinh ngày 11/11/1992, Đoàn Thị T, sinh ngày 09/10/1994 và Đoàn Thị N, sinh ngày 02/11/1997. Các con đều đã trưởng thành.

Về tài sản và công nợ chung: Bà và ông L cùng các con đã thỏa thuận phân chia nên bà không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết và bà có ý kiến bổ sung nếu ông L không thực hiện theo thỏa thuận thì bà sẽ có đơn khởi kiện ông L sau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, Hà Nội đã xử:

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đoàn Văn L và bà Vũ Thị T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/02/2018, bà Vũ Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm, bà không đồng ý ly hôn, vì các con đã trưởng thành và ông L đã không thực hiện thỏa thuận phân chia tài sản.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đoàn Văn L giữ nguyên đơn khởi kiện và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bà Vũ Thị T giữ nguyên đơn kháng cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật của Tòa án, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật; Đơn kháng cáo của bà Vũ Thị T trong hạn luật định.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án có căn cứ nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên còn thiếu về phần con chung và công nợ nên cần phải bổ sung ở cấp phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của nguyên

đơn, bị đơn và Kiểm sát viên; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Đơn kháng cáo của bà Vũ Thị T trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí đúng thời hạn nên được xem xét.

[2] Xét kháng cáo của của bà T thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Đoàn Văn L và bà Vũ Thị T tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có thời gian chung sống hạnh phúc và sinh được 03 người con. Tuy nhiên, khoảng 07 năm trở lại đây, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau. Bởi vậy, ông L xác định không còn tình cảm nên khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn bà T. Bà T cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý với quan điểm của ông L.

Do ông L, bà T không đăng ký kết hôn nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và tại mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình thì pháp luật không công nhận ông L và bà T là vợ chồng là có căn cứ. Tuy nhiên, trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm cần phải áp dụng thêm Nghị định số 8016/VBHN-BTP ngày 10/12/2013 quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân gia đình để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà T mới đảm bảo đúng các quy định của pháp luật. Bởi vậy, Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung thiếu sót về phần này của bản án sơ thẩm.

[2.2] Về con chung: Ông L, bà T xác nhận có 03 con chung là Đoàn Văn T, sinh ngày 11/11/1992, Đoàn Thị T, sinh ngày 09/10/1994 và Đoàn Thị N, sinh ngày 02/11/1997. Các con chung đều đã trưởng thành nên Tòa án không xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ: Tại Tòa án cấp sơ thẩm, cả ông L và bà T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định không xét, giải quyết và giành quyền khởi kiện cho ông L, bà T bằng một vụ án khác nếu có tranh chấp là đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót không ghi đầy đủ phần con chung, tài sản chung vào trong quyết định của bản án nên Tòa án cấp phúc thẩm cần bổ sung phần này vào quyết định và nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm.

Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị T.

[3] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên bà Vũ Thị T không phải chịu án phí phí phúc thẩm; được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Ông Đoàn Văn L phải chịu án phí sơ thẩm theo như quyết định của bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148, Điều 147 và Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Nghị định số 8016/VBHN-BTP ngày 10/12/2013 quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân gia đình;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Ứng Hòa, Hà Nội. Cụ thể như sau:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đoàn Văn L và bà Vũ Thị T.

2. Về con chung: Xác nhận ông L và bà T có 03 con chung là Đoàn Văn T, sinh ngày 11/11/1992, Đoàn Thị T, sinh ngày 09/10/1994 và Đoàn Thị N, sinh ngày 02/11/1997. Các con chung đều đã trưởng thành nên Tòa án không xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xét, giải quyết. Giành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm:

Ông Đoàn Văn L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, Hà Nội theo biên lai thu số AM/2010/08441 ngày 02/11/2017.

4.2 Án phí phúc thẩm:

Bà Vũ Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả bà T số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, Hà Nội theo biên lai thu số AM/2010/08530 ngày 09/02/2018.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND H.Ứng Hòa;
- Chi cục THA DS H.Ứng Hòa;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

Nguyễn Vũ Đông